TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2019
V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Chí Công**

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà **Nguyễn Huỳnh Hưởng**; Bà **Nguyễn Thị Loan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1983
- Bị đơn: Chị Đàm Sơn K, sinh năm 1981.
  Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau
  (Nguyên đơn, bị đơn đều xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2019, nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đàm Sơn K chung sống với nhau từ năm 2000; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc vào năm 2002 (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 1017/2002 và được cấp lại vào ngày 23/3/2010*). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải nhau; cuộc sống chung không hòa hợp anh và chị K đã không còn sống chung với nhau. Nay, anh nhận thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn lại được, yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Huỳnh Gia H, sinh ngày 20/01/2001, Huỳnh Hiếu D, sinh ngày 05/7/2002 và Huỳnh Khánh L, sinh ngày 27/4/2010. Hiện các cháu đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 cháu H, Đ và L, không yêu cầu chị K cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt theo đơn đề nghị xét xử

vắng mặt ngày 05/4/2019; anh vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày trong đơn khởi kiện, mong Tòa án xem xét giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 16/4/2019, bị đơn Đàm Sơn K trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ cụ thể:

Về hôn nhân: Giữa chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2000; hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 theo quy định. Thời gian gần đây anh T hà hiếp, đánh đập chị. Nay, chị K nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Huỳnh Gia H, sinh ngày 20/01/2001, Huỳnh Hiếu D, sinh ngày 05/7/2002 và Huỳnh Khánh L, sinh ngày 27/4/2010 đúng như anh T trình bày, chị không thống nhất theo yêu cầu của anh T về con chung. Do các con đã lớn nếu ý kiến của các con theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Thống nhất như anh T trình bày, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện hoàn cảnh đơn chiếc nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn chị Đàm Sơn K có nơi trú tại khóm 3, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Huỳnh Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Đàm Sơn K, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; anh T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh T là nguyên đơn, chị K là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị K không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T và chị K đã không còn sống chung với nhau, chị K cho rằng anh T còn có hành vi đánh đập chị nên chị và anh T cũng đã sống ly thân với nhau. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị K là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Anh T và chị K có 03 người con chung tên Huỳnh Gia H, sinh ngày 20/01/2001, Huỳnh Hiểu D, sinh ngày 05/7/2002 và Huỳnh Khánh L, sinh ngày 27/4/2010. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 03 cháu. Riêng đối với cháu Huỳnh Gia H, sinh ngày 20/01/2001, đến thời điểm Tòa án giải quyết thì cháu Huy đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Xét, con chung tên Huỳnh Hiểu D, sinh ngày 05/7/2002, có nguyện vọng sống chung với anh T và hiện đang đi học nên gần gũi với anh T, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt, phía chị K cũng đồng ý theo ước nguyện của cháu, đồng ý giao cháu Đang cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận tự nguyện giữa anh T và chị K, tiếp tục giao cháu Huỳnh Hiểu D, sinh ngày 05/7/2002 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản. Anh T cũng không đặt ra việc cấp dưỡng.

Đối với con chung tên Huỳnh Khánh L, sinh ngày 27/4/2010, có nguyện vọng sống chung với chị K và hiện đang đi học nên gần gũi với chị K, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Mặt dù anh T có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L khi ly hôn nhưng tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/4/2019, cháu Huỳnh Khánh L có nguyện vọng mông muốn được sống chung với chị K. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Huỳnh Khánh L, sinh ngày 27/4/2010 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; chị K cũng không đặt ra việc cấp dưỡng. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Anh T và chị K tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Lưỡng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh T về việc ly hôn với chị Đàm Sơn K.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Thanh T với chị Đàm Sơn K.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Hiểu D, sinh ngày 05/7/2002 cho anh Huỳnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Huỳnh Khánh L, sinh ngày 27/4/2010 cho chị Đàm Sơn K trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Anh Huỳnh Thanh T phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 01/4/2019 anh T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002921 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công